

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NĂNG
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 46/2024/DS-ST

Ngày: 23 - 9 - 2024.

“V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG – TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Ngọc San.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Trần Đình Long và ông Phan Ngọc Đài.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện Krông Năng tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 80/2024/TLST - DS ngày 29 tháng 5 năm 2024 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2024/QĐXXST - DS ngày 20 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 51/2024/QĐST - DS ngày 06 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lương Công H (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn C, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Ông Hồ Văn N (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn H, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Lương Công H trình bày:

Do có quen biết làm ăn với nhau, nên ngày 31 tháng 01 năm 2022 ông (Lương Công H) cho ông Hồ Văn N vay số tiền là 270.000.000đ (Hai trăm bảy mươi triệu đồng), lãi suất thỏa thuận là 11%/năm, thời hạn trả nợ gốc và lãi suất là ngày 31/12/2022. Khi đến thời hạn trả nợ mặc dù ông đã yêu cầu nhiều lần, nhưng ông Hồ Văn N vẫn không thực hiện việc trả nợ. Đến ngày 31/10/2023 ông Hồ Văn N trả cho ông được 10.000.000đ (Mười triệu đồng) tiền nợ gốc, số còn lại và lãi suất mặc dù ông đã yêu cầu nhiều lần nhưng ông Hồ Văn N vẫn không trả. Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Hồ Văn N phải trả cho ông tổng số tiền gốc và lãi suất tạm tính đến ngày 14/5/2024 là 330.200.000 đồng (trong đó gốc: 260.000.000 đồng, lãi suất là 70.200.000 đồng) và yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh với mức lãi 11%/năm đối với số nợ gốc, kể từ ngày 15/5/2024 cho đến khi trả xong nợ.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành triệu tập họp lệ nhiều lần, nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Để có căn cứ giải quyết vụ án, theo yêu cầu của nguyên

đơn, Tòa án đã thu thập tài liệu chứng cứ và tiến hành trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết “Hồ Văn N” ở mục “Người vay tiền” tại Giấy vay tiền lập ngày 31 tháng 01 năm 2022 (Chứng cứ do nguyên đơn cung cấp) với chữ ký, chữ viết “Hồ Văn N” ở các mục: “Bên B” (Trang 5) của Hợp đồng ủy quyền được công chứng ngày 08/7/2021, ở mục “Bên B/Đại diện bên B” (Trang 8) của Hợp đồng thế chấp số 241709734/2021/2/HĐTC và ở mục “Bên B/Đại diện bên B” (Trang 10) của Hợp đồng thế chấp số 241709734/2021/1/HĐTC - Có phải do cùng một người (Ông Hồ Văn N) ký và viết hay không.

Tại kết luận giám định số 1191/KL – KTTHS ngày 12/8/2024 của Phòng K - Công an tỉnh Đ kết luận: Chữ ký, chữ viết “Hồ Văn N” ở mục “Người vay tiền” tại Giấy vay tiền lập ngày 31 tháng 10 năm 2022 (Tài liệu do nguyên đơn cung cấp) với chữ ký, chữ viết “Hồ Văn N” tại các tài liệu mẫu so sánh do Tòa án thu thập đều do cùng một người (ông Hồ Văn N) ký và viết ra.

*** Tại phần tranh luận, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:**

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đầy đủ và đúng các quy định của bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn tuân thủ pháp luật, tuân thủ nội quy phiên tòa và sự điều khiển của chủ tọa phiên tòa. Bị đơn không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự, vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2. Vì vậy, việc HĐXX xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự, chấp nhận yêu cầu của ông Lương Công H, buộc ông Hồ Văn N phải trả cho ông Lương Công H số tiền nợ gốc 260.000.000đ và tiền lãi suất theo thỏa thuận 11%/năm, kể từ thời điểm vay cho đến khi trả xong nợ.

Về án phí và chi phí tố tụng: Đề nghị buộc bị đơn phải chịu toàn bộ tiền án phí và chi phí giám định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, tài liệu khác, lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Căn cứ vào yêu cầu của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ thu thập có trong hồ sơ, HĐXX xét thấy: Ông Lương Công H cho rằng đã cho ông Hồ Văn N vay tiền, nhưng không thực hiện việc trả nợ nên đã khởi kiện tại Tòa án. Vì vậy, HĐXX xác định đây là Tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS, thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Krông Năng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

[2.1]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Tại đơn khởi kiện ông Lương Công H yêu cầu ông Hồ Văn N trả số tiền nợ tính đến ngày làm đơn khởi kiện (Ngày 14/5/2024) là 330.200.000 đồng (trong đó gốc: 260.000.000 đồng, lãi suất là 70.200.000 đồng). Yêu cầu tiếp tục tính lãi 11%/năm đối với số nợ gốc, kể từ ngày 15/5/2024 cho đến khi trả xong nợ, HĐXX xét thấy:

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần, tổng đạt thông báo thụ lý cũng như Thông báo kết quả phiên họp giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, thông báo kết quả giám định cho bị đơn. Tuy nhiên bị đơn không có mặt để làm việc và cũng không có ý kiến phản hồi khi nhận được các thông báo của Tòa án và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì vậy Tòa án căn cứ vào các tài liệu do nguyên đơn cung cấp và các tài liệu đã thu thập trong quá trình giải quyết vụ án để làm căn cứ giải quyết vụ án. Cụ thể như sau:

+ Về yêu cầu trả nợ gốc: Căn cứ vào các tài liệu đã thu thập đã có cơ sở xác định: Ngày ngày 31/01/2022 ông Lương Công H đã cho ông Hồ Văn N vay số tiền là 270.000.000đ, thời hạn trả nợ gốc và lãi suất là ngày 31/12/2022. Nguyên đơn thừa nhận vào ngày 31/10/2023 bị đơn đã trả được 10.000.000đ tiền nợ gốc, số nợ gốc còn lại là 260.000.000đ. Kể từ thời điểm thụ lý đơn khởi kiện của ông H cho đến thời điểm xét xử, phía bị đơn không cung cấp cho Tòa án bất kỳ tài liệu nào để xác định ông N đã tiếp tục trả nợ cho ông H, khoản nợ trên đã quá thời hạn thanh toán. Như vậy, yêu cầu khởi kiện của ông H về việc yêu cầu ông N trả số nợ gốc 260.000.000đ là có căn cứ, cần chấp nhận.

+ Về yêu cầu tính lãi suất: Theo nội dung thỏa thuận tại giấy vay tiền thì khoản nợ được tính lãi suất là 11%/năm và là khoản vay có xác định thời hạn. Tại đơn khởi kiện ông H yêu cầu tính lãi theo lãi suất quá hạn theo lãi suất ngân hàng. Tại phiên tòa ông H yêu cầu tính lãi suất đối 11%/năm đối với số nợ gốc, kể từ thời điểm vay đến khi trả xong nợ. Xét yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn là đúng quy định của pháp luật và cần chấp nhận. Như vậy khoản nợ lãi của ông N đối với ông H đến ngày xét xử cụ thể như sau:

- 270.000.000đ x 11%/năm x 21 tháng (Từ ngày 31/01/2022 đến ngày 31/10/2023) = 51.975.000đ.

- 260.000.000đ x 11%/năm x 10 tháng 23 ngày (Từ ngày 01/11/2023 đến ngày 23/9/2024) = 25.660.000đ (Tính tròn số).

* Cộng nợ lãi: 51.975.000đ + 25.660.000đ = 77.635.000đ

* Cộng nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày xét xử: 260.000.000đ + 77.635.000đ = 337.635.000đ.

[3]. Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, cần được chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên, để đảm bảo quyền lợi cho bên bị vi phạm, HĐXX xét thấy cần áp dụng các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự, chấp nhận yêu cầu của ông Lương Công H, buộc ông Hồ Văn N phải trả cho ông H số tiền tính đến ngày xét xử là 337.635.000đ, tiếp tục tính lãi suất 11%/năm đối với nợ gốc cho đến khi trả xong nợ.

[4]. Về chi phí tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, do bị đơn không có mặt, nguyên đơn có yêu cầu trưng cầu giám định chứng cứ để làm căn cứ giải quyết vụ án. Chi phí giám định là 4.860.000đ. Kết quả giám định chứng minh yêu cầu trưng cầu giám định của nguyên đơn là có căn cứ. Do nguyên đơn đã nộp tạm ứng nên bị đơn phải trả lại cho nguyên đơn số tiền này.

[5]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Hồ Văn Nhất L người có lỗi phải thực hiện nghĩa vụ nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên được trả lại số tiền đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Năng tỉnh Đắk Lắk.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 147; Điều 159, Điều 160; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 463, 466, 468, Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Q;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lương Công H.

Buộc ông Hồ Văn N phải trả cho ông Lương Công H số tiền 337.635.000đ, bao gồm: Nợ gốc là 260.000.000đ, nợ lãi là 77.635.000đ.

Tiếp tục tính lãi suất 11%/năm đối với số nợ gốc, kể từ ngày 24/9/2024 cho đến khi trả xong nợ.

2. Về chi phí tố tụng: Ông Hồ Văn N phải nộp 4.860.000đ (Bốn triệu tám trăm sáu mươi ngàn đồng) tiền chi phí giám định.

Hoàn trả cho ông Lương Công H 4.860.000đ (Bốn triệu tám trăm sáu mươi ngàn đồng) tiền tạm ứng chi phí giám định sau khi thu được của ông Hồ Văn N.

3. Về án phí: Ông Hồ Văn N phải nộp 16.881.000đ (Mười sáu triệu tám trăm tám mươi một ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho ông Lương Công H 8.255.000đ (Tám triệu hai trăm năm mươi lăm ngàn đồng) đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Năng tỉnh Đắk Lắk theo biên lai số AA/2023/0011607 ngày 27/5/2024.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Năng;
- Chi cục THADS huyện Krông Năng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

BÙI NGỌC SAN